

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	2	Tiếng Anh (Trang)	GDDP (Nga)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Bình)	GDDP (Sénh)	Sinh Học (Đức)	GDKT&PL (Vừ)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	Toán (Mạnh)
	3	Vật Lý (Dũng)	Công Nghệ (Mạnh)	GDDP (Nga)	Ngữ Văn (Bình)	Tiếng Anh (Dung)	GDKT&PL (Vừ)	Sinh Học (Đức)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Huệ)	Tiếng Anh (Trang)
	4	Toán (Mạnh)	Tiếng Anh (Trang)		Tiếng Anh (Dung)	Hóa Học (Sénh)	Ngữ Văn (Bình)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Hương)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Quân)
	5										
Thứ 3	1	Tiếng Anh (Trang)	Lịch Sử (Huệ)	Lịch Sử (Hương)	Sinh Học (Đức)	Vật Lý (Dũng)	GDDP (Sénh)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Long)	Địa Lí (Chính)	GDKT&PL (Vừ)
	2	Sinh Học (Đức)	Lịch Sử (Huệ)	Lịch Sử (Hương)	Hóa Học (Nga)	Vật Lý (Dũng)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Long)	Địa Lí (Chính)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Toán (Mạnh)	Toán (Thư)	Vật Lý (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Long)	Lịch Sử (Hương)	Lịch Sử (Huệ)	Địa Lí (Chính)
	4	Toán (Mạnh)	Toán (Thư)	Vật Lý (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Sinh Học (Ngát)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Long)	Lịch Sử (Hương)	Lịch Sử (Huệ)	Địa Lí (Chính)
	5										
Thứ 4	1	Tiếng Anh (Trang)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Bình)	Sinh Học (Đức)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Long)	Tiếng Anh (Dung)	Vật Lý (Dũng)	KTCK SINH HỌC	
	2	Sinh Học (Đức)	Công Nghệ (Mạnh)	Tiếng Anh (Dung)	Hóa Học (Nga)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Long)	Ngữ Văn (Bình)	GDTC (Nhạ)	Sinh Học (Ngát)	GDKT&PL (Vừ)
	3	Hóa Học (Nga)	Toán (Thư)	Tiếng Anh (Dung)	Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Địa Lí (Vĩnh)	GDDP (Sénh)	GDTC (Nhạ)	Toán (Mạnh)	GDKT&PL (Vừ)
	4	Toán (Mạnh)	Toán (Thư)		Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Địa Lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	KTCK TIẾNG ANH		
	5										
Thứ 5	1	Ngữ Văn (Huyền)	Lịch Sử (Huệ)	Toán (Long)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)	Địa Lí (Vĩnh)	Ngữ Văn (Bình)	KTCK TIN HỌC	GDKT&PL (Vừ)	KTCK CÔNG NGHỆ
	2	Ngữ Văn (Huyền)	Công Nghệ (Mạnh)	Toán (Long)	Hóa Học (Nga)	Địa Lí (Vĩnh)	Tiếng Anh (Dung)	Ngữ Văn (Bình)	KTCK VẬT LÝ	GDKT&PL (Vừ)	Lịch Sử (Huệ)
	3	Hóa Học (Nga)	Ngữ Văn (Huyền)	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Long)	Lịch Sử (Hương)	Tiếng Anh (Dung)	GDTC (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Quân)	Lịch Sử (Huệ)
	4	GDDP (Nga)	SHCN	Địa Lí (Vĩnh)	Toán (Long)	SHCN	Ngữ Văn (Bình)	SHCN	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh Học (Ngát)
	5	SHCN		SHCN	SHCN		SHCN		SHCN	SHCN	SHCN
Thứ 6	1	Vật Lý (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Vĩnh)	Sinh Học (Ngát)	Toán (Long)	Sinh Học (Đức)	GDKT&PL (Vừ)	KTCK HÓA HỌC	Địa Lí (Chính)
	2	Vật Lý (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Bình)	Địa Lí (Vĩnh)	Lịch Sử (Hương)	Sinh Học (Đức)	Toán (Long)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Quân)	Địa Lí (Chính)
	3	Ngữ Văn (Huyền)	Địa Lí (Vĩnh)	Vật Lý (Dũng)	Sinh Học (Đức)	GDTC (Tâm)	Lịch Sử (Hương)	Tiếng Anh (Dung)	Toán (Long)	Địa Lí (Chính)	GDKT&PL (Vừ)
	4	Sinh Học (Đức)	Địa Lí (Vĩnh)		Tiếng Anh (Dung)		Công Nghệ (Dũng)		Toán (Long)	Địa Lí (Chính)	GDKT&PL (Vừ)
	5								KTCK GD ĐP		
Thứ 7	1	Địa Lí (Vĩnh)	Tiếng Anh (Trang)	Công Nghệ (Long)	Ngữ Văn (Bình)	Tiếng Anh (Dung)	Công Nghệ (Dũng)	Sinh Học (Đức)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch Sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	2	Địa Lí (Vĩnh)	Tiếng Anh (Trang)	Công Nghệ (Long)	GDDP (Nga)	Tiếng Anh (Dung)	GDDP (Sénh)	Sinh Học (Đức)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch Sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	3	Lịch Sử (Huệ)	GDDP (Nga)	Ngữ Văn (Bình)	Lịch Sử (Hương)	Sinh Học (Ngát)	Sinh Học (Đức)	Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Vĩnh)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Mạnh)
	4	Lịch Sử (Huệ)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Bình)	Lịch Sử (Hương)	Sinh Học (Ngát)		Tiếng Anh (Dung)	Địa Lí (Vĩnh)	Hóa Học (Sénh)	Toán (Mạnh)
	5										

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	HĐTN				GDTC (Tâm)	Tự học	Tự học	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	2					Tự học	GDTC (Tâm)	Tự học	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	3					Tự học	Tự học	Tự học	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	4										
	5										
Thứ 3	1	Tự học	Tự học	Tự học	GDTC (Tâm)	HĐTN			TN LỊCH SỬ		
	2	Tự học	Tự học	GDTC (Tâm)	Tự học				TN GDKT&PL		
	3	Tự học	GDTC (Tâm)	Tự học	Tự học						
	4	GDTC (Tâm)									
	5										
Thứ 4	1	Tự học						Tự học	Địa Lí (Vĩnh)	Địa Lí (Chính)	GDTC (Tâm)
	2								Địa Lí (Vĩnh)	Địa Lí (Chính)	GDTC (Tâm)
	3							GDTC (Tâm)	TN VẬT LÝ	TN SINH HỌC	Địa Lí (Chính)
	4						GDTC (Tâm)				Địa Lí (Chính)
	5										
Thứ 5	1	GDTC (Tâm)	Tự học	Tự học	Tự học	Tự học	Tự học	Tự học	HĐTN		
	2	Tự học	GDTC (Tâm)	Tự học	Tự học	Tự học	Tự học	Tự học			
	3	Tự học	Tự học	GDTC (Tâm)	Tự học	Tự học	Tự học	Tự học			
	4				GDTC (Tâm)						
	5										
Thứ 6	1	Tự học							Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	2								Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	3								Toán (Long)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)
	4										
	5										
Thứ 7	1	Tự học							GDTC		GDQP (Hiếu)
	2										GDQP (Hiếu)
	3										
	4										
	5										